TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-04-2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Ông Nguyễn Văn Ba.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đào Ngọc Nam, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Ông Phan Văn Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 688/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị V**, sinh năm 1978.

- Bị đơn: Ông **Trương Văn N**, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: tổ 16, ấp 3, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn-bà Phạm Thị V trình bày:

Bà và ông Trương Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông N thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm gia đình và chăm sóc con cái. Khi bà nhắc nhở thì vợ chồng xảy ra cãi vã, gây

gỗ, ông N có đánh bà. Ông bà đã sống ly thân hơn 1 năm nay, trong thời gian sống ly thân, hai bên không bàn bạc đoàn tụ. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N.

- Về con chung: có 02 cháu tên là Trương Ngọc Hân, sinh ngày 10/02/2012 và cháu Trương Ngọc Hiếu, sinh ngày 10/12/2014. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và bà yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng.

- Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn-ông Trương Văn N không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã kết hợp chính quyền địa phương đến nhà để làm việc nhưng ông N vắng mặt nên không có lời khai.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và N vụ của mình theo tại Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện các quyền và N vụ của mình quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-bà Phạm Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn- ông Trương Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn-ông N.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị V và ông Trương Văn N tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 105 quyển số 01/2011 ngày 10 tháng 11 năm 2011) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào chứng cứ thu thập được thể hiện tại hồ sơ thì bà V và ông N trong quá trình chung sống có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân chính là ông N

hay nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình con cái. Đỉnh điểm là khi ông N đi nhậu bị bà V nhắc nhở thì hai bên xảy ra gây gỗ, ông N có đánh bà V. Hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian giải quyết vụ án, ông N không đến Tòa làm việc cũng như tham dự phiên tòa và không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ gia đình. Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V, xử cho bà V được ly hôn ông N là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam

- Về con chung: Có hai con chung tên là Trương Ngọc Hân, sinh ngày 10/02/2012 và cháu Trương Ngọc Hiếu, sinh ngày 10/12/2014.

Xét thấy, hiện nay, các cháu đang được bà V nuôi dưỡng tốt và bà V cũng có điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con. Vì vậy, nên cần giao hai cháu Trương Ngọc Hân và Trương Ngọc Hiếu cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Bà V yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi hai con là 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cả hai bên, bà V là người trực tiếp nuôi con và ông N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân gia đình. Theo lời khai của bà V, hiện nay, ông N đang làm công nhân có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng nên bà V yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng là quá cao nên cần điều chỉnh mức cấp dưỡng nuôi con xuống 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà V khai không có nên không xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của bà V được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà V được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 118 Luật hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn-bà Phạm Thị V.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị V được ly hôn ông Trương Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc Hân, sinh ngày 10/02/2012 và cháu Trương Ngọc Hiếu, sinh ngày 10/12/2014 cho bà Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trương Văn N phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Việc chấm dứt N vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 006903 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. (Bà V đã nộp đủ án phí)

Ông Trương Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ba – Lê Thị Ánh Sáng **Nguyễn Trí Hoàng**